

華語先修班學生第一學期通過華測A2 第二學期續留原班就讀(不升讀四技)切結書

Giấy cam kết tiếp tục học lớp dự bị tiếng Hoa

Sinh viên đã vượt qua TOCFL cấp A2 trong học kỳ đầu tiên

Và quyết định tiếp tục học lớp dự bị tiếng Hoa trong học kỳ thứ hai (không lên hệ 4 năm)

學生中文姓名 (Họ và tên tiếng Trung của sinh viên) :
學生英文姓名 (Họ và tên tiếng Anh của sinh viên) :
學生學號 (Mã số sinh viên) :
就讀學系 (Ngành học) :

我是德育護理健康學院國際專修部華語先修班學生，我入學第一個學期期間已經通過華測 A2 測驗，為了持續提升我的華語能力，我決定第二學期繼續就讀華語先修班。我願意配合以下課程安排與行政規定：

Tôi là sinh viên lớp dự bị tiếng Hoa thuộc Bộ phận Quốc tế Trường Cao đẳng Điều dưỡng và Sức khỏe Đức Dục. Trong học kỳ đầu tiên, tôi đã vượt qua kỳ thi TOCFL cấp A2. Để tiếp tục nâng cao năng lực tiếng Hoa, tôi quyết định tiếp tục theo học lớp dự bị tiếng Hoa trong học kỳ thứ hai. Tôi cam kết tuân thủ các quy định và sắp xếp sau đây:

- ☐ 1. 我已經充分了解本校「國際專修部學生修業辦法」的所有規定。
- Tôi đã hiểu rõ toàn bộ quy định trong "Biện pháp hỗ trợ sinh viên quốc tế" của nhà trường.
- ☐ 2. 我已經充分了解本校「國際學生輔導辦法」的所有規定。
- Tôi đã hiểu rõ toàn bộ quy định trong "Biện pháp hỗ trợ sinh viên quốc tế" của nhà trường.
- ☐ 3. 我已經充分了解本校每學期學雜費標準與「國際專修部獎助學金設置要點」。
- Tôi đã hiểu rõ tiêu chuẩn học phí và lệ phí mỗi học kỳ cũng như các nội dung trong "Điều lệ cấp học bổng cho sinh viên Bộ phận Quốc tế".
- ☐ 4. 我知道就讀華語先修班第二學期期間，每星期上課時間是20小時。我如果在第二學期曠課超過30節，我將失去大學一年級上學期的所有獎助學金，必須繳交全額學費新台幣50,423元。
- Tôi biết rằng trong học kỳ thứ hai của lớp dự bị tiếng Hoa, thời lượng học mỗi tuần là 20 giờ. Nếu tôi vắng mặt hơn 30 tiết học, tôi sẽ mất toàn bộ học bổng của học kỳ đầu tiên năm nhất đại học và phải nộp đủ học phí là 50.423 Đài tệ.
- ☐ 5. 我知道我在華語先修班期間兩個學期的學業成績必須都達到60分，才能就讀大學。
- Tôi biết rằng trong suốt hai học kỳ của lớp dự bị tiếng Hoa, tôi phải đạt điểm trung bình từ 60 trở lên mới đủ điều kiện học đại học.
- ☐ 6. 我知道就讀華語先修班第二學期期間，學校會以華語能力重新分班，我會與通過A2的同學同班上課，以第二學期期間通過華測B1為目標上課。
- Tôi biết rằng trong học kỳ thứ hai của lớp dự bị tiếng Hoa, nhà trường sẽ tổ chức phân lớp lại theo năng lực tiếng Hoa, tôi sẽ học cùng các bạn đã đạt TOCFL cấp A2, và mục tiêu là đạt TOCFL cấp B1 trong học kỳ này.
- ☐ 7. 我知道本文件經簽署後，不可任意更動。
- Tôi biết rằng sau khi ký tên, nội dung của văn bản này không được phép thay đổi tùy tiện.

此致 莊 莊 莊

德育護理健康學院 Trường Cao đẳng Điều dưỡng và Sức khỏe Đức Dục

學生簽名(中文) Chữ ký sinh viên (tiếng Trung) : _____

日 期 Ngày ký : _____

華語先修班學生第一學期通過華測A2 第二學期續留原班就讀(不升讀四技)切結書

Surat Pernyataan Lanjutan Kelas Persiapan Bahasa Mandarin

Mahasiswa Telah Lulus TOCFL Level A2 pada Semester Pertama

Melanjutkan Studi di Kelas Persiapan Semester Kedua (Tidak Masuk Program 4 Tahun)

學生中文姓名 (Nama Mahasiswa, Mandarin) :
學生英文姓名 (Nama Mahasiswa, Inggris) :
學生學號 (Nomor Induk Mahasiswa) :
就讀學系 (Jurusan) :

我是德育護理健康學院國際專修部華語先修班學生，我入學第一個學期期間已經通過華測 A2 測驗，為了持續提升我的華語能力，我決定第二學期繼續就讀華語先修班。我願意配合以下課程安排與行政規定：

Saya adalah mahasiswa kelas persiapan bahasa Mandarin di Departemen Internasional, Perguruan Tinggi Keperawatan dan Kesehatan Deyu. Pada semester pertama, saya telah lulus ujian TOCFL level A2. Untuk terus meningkatkan kemampuan bahasa Mandarin saya, saya memutuskan untuk melanjutkan studi di kelas persiapan pada semester kedua. Saya bersedia mematuhi aturan akademik dan ketentuan administrasi berikut:

- ☐ 1. 我已經充分了解本校「國際專修部學生修業辦法」的所有規定。
- Saya telah memahami semua ketentuan dalam 'Peraturan Studi Mahasiswa Departemen Internasional'.
- ☐ 2. 我已經充分了解本校「國際學生輔導辦法」的所有規定。
- Saya telah memahami semua ketentuan dalam 'Peraturan Bimbingan Mahasiswa Internasional'.
- ☐ 3. 我已經充分了解本校每學期學雜費標準與「國際專修部獎助學金設置要點」。
- Saya telah memahami standar biaya kuliah dan ketentuan 'Pemberian Beasiswa dan Bantuan Keuangan Departemen Internasional'.
- ☐ 4. 我知道就讀華語先修班第二學期期間，每星期上課時間是20小時。我如果在第二學期曠課超過30節，我將失去大學一年級上學期的所有獎助學金，必須繳交全額學費新台幣50,423元。
- Saya mengetahui bahwa pada semester kedua kelas persiapan, waktu belajar adalah 20 jam per minggu. Jika saya absen lebih dari 30 jam, saya akan kehilangan semua beasiswa untuk semester pertama tahun pertama dan harus membayar penuh biaya kuliah sebesar NT\$50.423.
- ☐ 5. 我知道我在華語先修班期間兩個學期的學業成績必須都達到60分，才能就讀大學。
- Saya mengetahui bahwa saya harus mencapai nilai rata-rata minimal 60 pada dua semester kelas persiapan agar dapat melanjutkan ke perguruan tinggi.
- ☐ 6. 我知道就讀華語先修班第二學期期間，學校會以華語能力重新分班，我會與通過A2的同學同班上課，以第二學期期間通過華測B1為目標上課。
- Saya mengetahui bahwa pada semester kedua, sekolah akan mengadakan pengelompokan ulang berdasarkan kemampuan bahasa Mandarin, dan saya akan belajar bersama teman-teman yang telah lulus TOCFL A2, dengan tujuan lulus TOCFL B1 di semester ini.
- ☐ 7. 我知道本文件經簽署後，不可任意更動。
- Saya mengetahui bahwa setelah dokumen ini ditandatangani, isinya tidak dapat diubah secara sepihak.

此致 Hormat saya,

德育護理健康學院 Perguruan Tinggi Keperawatan dan Kesehatan Deh Yu

學生簽名(中文) Tanda Tangan Mahasiswa (Mandarin) : _____

日 期 Tanggal : _____